|  |  |
| --- | --- |
| TIỂU ĐOÀN 18  **ĐẠI ĐỘI 1**  Số: /KH-ĐĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**  *Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai, bảo đảm TTLL bảo vệ dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025**

Căn cứ Kế hoạch TTLL số: /KH-TiĐ ngày tháng 12 năm 2024 của Tiểu đoàn 18 về bảo vệ dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025;

Căn cứ tổ chức biên chế, phương tiện thông tin hiện có của đơn vị.

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, Đại đội 1 xây dựng Kế hoạch triển khai, bảo đảm TTLL bảo vệ dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH**

1. Tình hình chung

Dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 là thời điểm các thế lực thù địch, phản động tăng cường các hoạt động chống phá; người và phương tiện tham gia giao thông, qua lại biên giới, cửa khẩu, cảng biển, Việt kiều về thăm người thân, khách nước ngoài đến Việt Nam với số lượng lớn; đồng thời, hoạt động của các loại tội phạm gia tăng *(buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xuất nhập khẩu trái phép, buôn bán vận chuyển ma túy, pháo nổ, tội phạm an ninh mạng...),* tai nạn, tệ nạn xã hội diễn ra phức tạp *(tai nạn giao thông, cá độ, cờ bạc, lô đề,...)* gây thiệt hại về người và tài sản. Những vấn đề trên tác động trực tiếp đến các hoạt động của bộ đội trong thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

2. Âm mưu chống phá của các thế lực thù địch

Lợi dụng dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, các thế lực thù địch có thể cấu kết với các phần tử phản động, khủng bố, cơ hội chính trị, bất mãn với chế độ hoạt động chống phá. Thủ đoạn của chúng là triệt để lợi dụng các trang thông tin, mạng xã hội hoặc tấn công vào hệ thống thông tin quan trọng của Trung ương và địa phương; thực hiện chiến lược “DBHB”, BLLĐ; lợi dụng các vụ việc phức tạp, nhạy cảm trong nước để kích động biểu tình chống phá, khi có thời cơ gây bạo loạn ở một số địa phương để gây tiếng vang kêu gọi nước ngoài can thiệp; có thể tiến hành khủng bố, gây nổ, gây cháy, bắt giữ con tin, đầu độc bằng chất độc hóa học, sinh học hoặc sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ (UAV) đột nhập vào các khu vực trọng điểm để tiến hành rải truyền đơn, thả chất nổ, chất cháy..., gây mất ổn định về ANCT, TTATXH. Đồng thời chúng có thể tiến hành phá hoại các trung tâm thông tin và truyền thông, hệ thống TTLL của các cấp để gây rối loạn chỉ huy và hiệp đồng.

3. Tình hình ta

- Bảo đảm TTLL trong điều kiện đơn vị đã nhiều lần luyện tập và tham gia bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị của đất nước, có kinh nghiệm trong xây dựng kế hoạch và chuẩn bị phương tiện Thông tin, hiệp đồng tốt giữa các lực lượng.

- Tuy nhiên Đại đội phải triển khai nhiều lực lượng, sẵn sàng cơ động bảo vệ nhiều mục tiêu quan trọng trên các tỉnh thành được phân công đòi hỏi đơn vị phải bảo đảm tốt TTLL thường xuyên. Chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện theo các phương án, luyện tập thành thục sẵn sàng cơ động triển khai bảo đảm TTLL thông suốt khi có tình huống xảy ra trong thời gian ngắn nhất.

4. Tình hình địa hình

Đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong thành phố, đường xá đô thị phát triển, nhiều nhà cao tầng, nhiều thiết bị viễn thông, sẽ gây ảnh hưởng nhiều đến sự truyền lan của sóng VTĐ, triển khai đường dây thông tin HTĐ mất nhiều thời gian.

**II. Ý ĐỊNH BẢO VỆ CỦA SƯ ĐOÀN VÀ NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI, BẢO ĐẢM TTLL**

**A. Ý định bảo vệ của Sư đoàn**

1.Lực lượng cơ động cho Bộ và Quân đoàn: eB B18(-2d) + SCH nhẹ/f, lực lượng tăng cường gồm: 2/eBB101 (thay thế cho dBB7); 6/eBB95 (thay thế cho dBB9); 1cCOI100/f, 1cSPG-9/f, 1cSMPK12,7/f, 1cCBhh/f, 1bPHhh/f, 1aTS/f, cTThh/dTT18 bảo đảm TTLL cho SCH nhẹ/f. Có hỏa lực và một số lực lượng bảo đảm của Quân đoàn tăng cường gồm: dT1(-2c)/lưXT203; 1dPPK37(-2c)/LữPPK673; dPL122(-2c)/lữPB164; và 1cTS/BTM, 1cPH/BTM, 1cTThh/ BTM, 1cTCĐT(-)/BTM, 1bVB/BTM.

2. Địa bàn trọng điểm:

- Thủ đô Hà Nội: Các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Hoàng Mai, Long Biên và huyện Gia Lâm, huyện Sóc Sơn.

- Tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh.

3. Mục tiêu xác định không để mất

*\* Các mục tiêu đặc biệt quan trọng:*

- Bưu điện Hà Nội (M1).

- Đài tiếng nói Việt Nam (M2).

- Đài truyền hình Việt Nam (M3).

- Đài viễn thông Hà Nội (M4A).

- Đài phát thanh truyền hình Hà Nội (M5A).

- Trung tâm phát thanh truyền hình Quân đội (M6).

- Trụ sở Thành ủy Hà Nội (M14).

- Trụ sở UBND Thành phố Hà Nội (M15).

*\* Các mục tiêu quan trọng:*

- Quận ủy, UBND, HĐND các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Hoàng Mai, Long Biên và huyện Gia Lâm.

- Tỉnh ủy, UBND, HĐND các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh.

- Sân bay Nội Bài, sân bay Kép.

- SCH nhẹ/qđ; doanh trại các đơn vị; hệ thống kho, trạm, xưởng.

**B. Nhiệm vụ triển khai, bảo đảm TTLL**

1. Duy trì vững chắc hệ thống TTLL thường xuyên; triển khai, bảo đảm TTLL cho Sư đoàn nắm chắc tình hình địch, tình hình AN-CT trên địa bàn đóng quân. Bảo đảm cho Sư đoàn sẵn sàng chuyển, nhận các tín hiệu chuyển trạng thái SSCĐ.

2. Triển khai, bảo đảm TTLL cho Sư đoàn chỉ huy Trung đoàn 18 và các đơn vị tăng cường cơ động lực lượng triển khai đội hình đúng kế hoạch, thời gian quy định. Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt và vững chắc trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Triển khai, bảo đảm TTLL cho Sư đoàn hiệp đồng chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và các đơn vị bạn, địa phương có liên quan trong khu vực tác chiến. Hiệp đồng chặt chẽ các đơn vị trong đội hình chiến đấu; các lực lượng hoả lực của Quân đoàn và Sư đoàn.

4. Triển khai, bảo đảm TTLL cho Sư đoàn chuyển nhận tín hiệu TBBĐ kịp thời, chính xác.

5. Triển khai, bảo đảm TTLL cho Sư đoàn chỉ huy chỉ đạo chặt chẽ công tác Hậu cần, kỹ thuật trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vu.

6. Triển khai, bảo đảm TTLL sẵn sàng phòng chống TCĐT, chống nhiễu thông tin bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho hệ thống thông tin.

**III. SỬ DỤNG, BỐ TRÍ TRIỂN KHAI LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**A. Thông tin liên lạc thường xuyên**

- Duy trì vững chắc các phương tiện thông tin thường xuyên đã triển khai, sẵn sàng chuyển nhận các tín hiệu báo động khi có tình huống xảy ra.

- Thông tin VTĐsn trên hệ thống thông tin thường xuyên giữa Quân đoàn, Sư đoàn với các đơn vị canh trực SSCĐ liên lạc theo kế hoạch.

**B. Triển khai, bảo đảm tại các khu vực làm nhiệm vụ A2**

**I. Phương án 1:** *Khi eBB18 + SCH nhẹ/f, lực lượng tăng cường gồm:* *2/eBB101 (thay thế cho dBB7); 6/eBB95 (thay thế cho dBB9)*; *1cCOI100/f, 1cSPG-9/f, 1cSMPK12,7/f, 1cCBhh/f, 1bPHhh/f, 1aTS/f, cTThh/dTT18 bảo đảm TTLL cho SCH nhẹ/f. Có hỏa lực và một số lực lượng bảo đảm của Quân đoàn tăng cường gồm: dT1(-2c)/lữXT203; 1dPPK37(-2c)/LữPPK673; dPL122(-2c)/lữPB164; và 1cTS/BTM, 1cPH/BTM, 1cTThh/BTM, 1cTCĐT(-)/BTM, 1bVB/BTM làm nhiệm vụ khu vực nội thành TP Hà Nội.*

1. Triển khai, bảo đảm tổng trạm TT, đường trục TT

1.1. Triển khai, bảo đảm tổng trạm TT

T4SCHcb/fBB325 bố trí ở UBND phường Long Biên (25.92).

1.2. Triển khai, bảo đảm đường trụcTT

Triển khai đường trục từ T4/SCHcb/f đến T4/SCHcb/eBB18.

2. Triển khai, bảo đảm các đường TT

2.1. Thông tin VTĐ

a) LL với cấp trên.

***\* Mạng hành quân***

- VTĐsn: Mạng số 01 của BTTM chỉ huy lực lượng cơ động của qk2, qđ12. Chế độ liên lạc thoại.

- VTĐscn: Mạng số 02 của BTTM chỉ huy lực lượng cơ động của qk2, qđ12. Chế độ liên lạc thoại.

*(Khi Quân đoàn không tổ chức SCHpht, không chỉ huy cơ động lực lượng thì Sư đoàn tham gia mạng chỉ huy cơ động lực lượng của BTTM).*

***\* Khi Quân đoàn tổ chức SCHpht***

Theo chỉ lệnh của PTM/f, triển khai LL VTĐ cụ thể như sau:

- Đặt máy VRU-611 liên lạc H số 01 của qđ (VC số 06 của BTTM); LL thoại.

- Đặt máy VRU-812 liên lạc H số 02 của qđ (VC số 15 của BTTM), LL thoại.

- BTTM tổ chức 02 mạng canh: Mạng canh số 60 VTĐsn, số 61 VTĐscn, liên lạc thoại.

- BTTM tổ chức 02 mạng Hiệp đồng: Mạng HĐ số 62 VTĐsn, số 63 VTĐscn, liên lạc thoại.

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 05 VTĐsn và mạng canh số 06 VTĐscn. Đơn vị được phép LL trên các tổ chức này theo quy định.

***\* Khi Quân đoàn không tổ chức SCHpht***

*-* Sư đoàn đặt máy liên lạc trực tiếp với BTTM.

b) LL với cấp dưới

***\* Khi Quân đoàn tổ chức SCHpht***

Theo chỉ lệnh của PTM/f, Triển khai, bảo đảm LL VTĐ cụ thể như sau:

- Triển khai, bảo đảm hướng số 01/f *(VC số 01/qđ)* với eBB18 bằng máy VRU-611, LL báo, thoại, thời gian 24/24h.

- Triển khai, bảo đảm hướng số 02/f *(VC số 02/qđ)* với eBB18 bằng VRU-812, LL thoại mật tần số cố định 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 03/f xuống dBB2, dBB6, dBB8 (M.số 01/eBB18) bằng máy VRU-611, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 04/f xuống dBB2, 6, 8 bằng máy VRU-812/S *(VC số 03/qđ,* Mạng số 02/eBB18), LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 05/f xuống các cBB5, 6, 7, cHL8/dBB2, 11/dBB6 (Mạng số 01 của dBB2) bằng máy VRH-811/S , LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 06/f xuống các cBB9, 10, cHL12/dBB6) bằng máy VRH-811/S (Mạng số 01 của dBB6) LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 07/f xuống các cBB5, 6, 7, cHL8/dBB8 (Mạng số 01 của dBB8) bằng máy VRH-811/S , LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm mạng canh số 08 VTĐscn/f bằng máy VRU-812S; LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm hướng định giờ số 09/f với SCHtx/f bằng máy VRU-611, LL thoại. Ngày 3 phiên: (05.30-10.00-20.00).

- Triển khai, bảo đảm hướng số 08 của cnT-TG/qđ với SQĐDT/lưXT203 bằng VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 10 của SQĐDT/lưXT203 liên lạc với SQĐDT/SCH/ eBB18, dt, ctXT/lữ203, các bTTG bằng VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 11 của cnPB/f *(VC số 10 của cnPB/qđ)* xuống dPB/LưPB164, cCOI/f, cCOI/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 12 của cnPB/f *(VC số 11 của cnPB/qđ)* xuống cSPG9/f, cSPG9/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 13 của cnPK/f *(VC số 12 của cnPK/qđ)* xuống dPK/lưPPK673, cPK/f, cPK/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 14 của cnTS/f *(VC số 13 của cnTS/qđ)* với cTShh/dTS/BTM, cTS/e bằng máy VRU-611, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 15 của cnTS/f xuống tổ, toán TS Trung đoàn, bằng máy VRH-811/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 16 của cnCB/f *(VC số 14 của cnCB/qđ)* xuống cCB/f, cCB/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 17 của cnTT/f *(VC số 15 cnTT/qđ)* xuống cnTT/ eBB18, cnTT/LưT203, cnTT/LưPB164, cnTT/LưPPK673 bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 18 của cnHH/f *(VC số 16/qđ)* xuống cPHhh/dPH/qđ, cHH19/f bằng máy VRH-811/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm hướng số 19 của TCĐT/f *(VC số 04 TBTCĐT/qđ)* xuống cTCĐT/qđ, bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

c) Liên lạc hiệp đồng, TBBĐ

Thông qua các mạng, hướng đã triển khai.

d) Liên lạc HC-KT

- Triển khai, bảo đảm mạng số 20 của cnHC-KT/f *(VC số 17 của cnHC-KT/qđ)* với khu HC-KT/f, dVT/f, bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Thông qua các mạng, hướng đã triển khai, bảo đảm liên lạc.

***\* Khi quân đoàn không tổ chức SCHpht:***

Sư đoàn tổ chức liên lạc theo kế hoạch (không có quân đoàn vượt cấp).

2.2. Trunking:

Bảo đảm máy Puma cho 2 nhóm Hà Nội 3A và Hà nội 4A

**-** Nhóm: Hà Nội 3A

(PTLTMT/qđ12, PTMTTaC/qđ, TPTC/qđ, ft/f325, et/eBB18/fBB325, dt/dPB/LưPB, dt/dT/LưT, dt/dPK/LưPPK).

**-** Nhóm Hà nội 4A

(PTLTMT/qđ12, ft/f325, TMT/f325, cnPK, cnPB, cnTS, cnCB, cnTT, cnHH, dBB2, dBB6, dBB8, cTShh/qđ, cTCĐT/qđ, cHHhh/qđ, cTThh/qđ).

Máy Puma do Tiểu đoàn quản lý, khi cơ động sẽ cấp phát cho các đơn vị.

2.3. Thông tin HTĐ

a) Liên lạc với trên

Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325 (ở UBND phường Long Biên/quận Long Biên): tiếp nhận 03 MĐT của Lữ 205/BCTTLL bàn giao (theo danh bạ ft/f325: 538006; TBTC/f: 538007; Cơ quan/f: 538008).

b) Liên lạc với dưới:

Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325

- Triển khai, bảo đảm 13 MĐT tự động và 13 MĐT nhân công đến: ft, c.u, tmt, cnCT, cnHC-KT, cnPB, cnPK, cnCB, cnTT, cnTS, cnHH, ĐQS/f, TBSCH/f.

- Triển khai, bảo đảm các đường dây đến Tổng trạm TT/eBB18.

c) Liên lạc hiệp đồng, TBBĐ

Thông qua các đường, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

d) Liên lạc HC-KT

Thông qua các đường, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

**II. Phương án 2:***Khi eBB18 + SCH nhẹ/f, lực lượng tăng cường gồm:* *2/eBB101 (thay thế cho dBB7); 6/eBB95 (thay thế cho dBB9)*; *1cCOI100/f, 1cSPG-9/f, 1cSMPK12,7/f, 1cCBhh/f, 1bHHhh/f, 1aTS/f, cTThh/dTT18 bảo đảm TTLL cho SCH nhẹ/f. Có hỏa lực và một số lực lượng bảo đảm của Quân đoàn tăng cường gồm: dT1(-2c)/lữXT203; 1dPPK37(-2c)/LữPPK673; dPL122(-2c)/ lữPB164; và 1cTS/BTM, 1cPH/BTM, 1cTThh/BTM, 1cTCĐT(-)/BTM, 1bVB/ BTM làm nhiệm vụ khu vực ngoại thành TP Hà Nội.*

1. Triển khai, bảo đảm tổng trạm TT, đường trục TT

1.1. Triển khai, bảo đảm tổng trạm TT

T4/SCHcb/f đặt tại SCHnhẹ/f: ở UBND phường Long Biên (25.92); làm việc 24/24h.

1.2. Triển khai, bảo đảm đường trục TT

Triển khai đường trục từ T4/SCHcb/f đến T4/SCHcb/ eBB18.

2. Triển khai, bảo đảm các đường TT

2.1. Thông tin VTĐ

a) LL với cấp trên.

***\* Mạng hành quân***

- VTĐsn: Mạng số 01 của BTTM chỉ huy lực lượng cơ động của qk2, qđ12. Chế độ liên lạc thoại.

- VTĐscn: Mạng số 02 của BTTM chỉ huy lực lượng cơ động của qk2, qđ12. Chế độ liên lạc thoại.

*(Khi Quân đoàn không tổ chức SCHpht, không chỉ huy cơ động lực lượng thì Sư đoàn tham gia mạng chỉ huy cơ động lực lượng của BTTM).*

***\* Khi Quân đoàn tổ chức SCHpht***

Theo chỉ lệnh của PTM/f, tổ chức LL VTĐ cụ thể như sau:

- Đặt máy VRU-611 liên lạc Hướng số 01 của qđ (VC số 06 của BTTM), liên lạc thoại.

- Đặt máy VRU-812 liên lạc Hướng số 02 của qđ (VC số 15 của BTTM), liên lạc thoại.

- BTTM tổ chức 02 mạng canh: Mạng canh số 60 VTĐsn, số 61 VTĐscn, liên lạc thoại.

- BTTM tổ chức 02 mạng Hiệp đồng: Mạng HĐ số 62VTĐsn, số 63 VTĐscn, liên lạc thoại.

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 05 các đơn vị bằng máy VTĐsn và mạng canh số 06 VTĐscn, đơn vị được phép LL trên các tổ chức này theo quy định.

***\* Khi Quân đoàn không tổ chức SCHpht***

*-* Sư đoàn đặt máy liên lạc trực tiếp với BTTM.

- Tham gia vào mạng Trunking theo kế hoạch.

b) LL với cấp dưới

***\* Khi Quân đoàn tổ chức SCHpht***

- Triển khai, bảo đảm hướng số 01/f *(VC số 01/qđ)* với eBB18 bằng máy VRU-611, LL báo, thoại ngày 6 phiên: (08.00-11.00-14.00-16.00-18.00-22.00) khi cần thì canh 24/24h.

- Triển khai, bảo đảm hướng số 02/f *(VC số 02/qđ)* với eBB18 bằng VRU-812, LL thoại mật tần số cố định 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 03/f xuống dBB2, dBB6, dBB8 (Mạng số 01/eBB18) bằng máy VRU-611, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 04/f xuống dBB2, dBB6, dBB8 *(VC số 03/qđ,* Mạng số 02/eBB18*)* bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 05/f xuống các cBB5, 6, 7, cHL8/dBB2 (Mạng số 01 của dBB2), bằng máy VRH-811/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 06/f xuống các cBB9, 10, 11, cHL12/dBB6 (Mạng số 01 của dBB6), bằng máy VRH-811/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 07/f xuống các cBB5, 6, 7, cHL8/dBB8 (Mạng số 01 của dBB8), bằng máy VRH-811/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm mạng canh số 08 VTĐscn/f bằng máy VRU-812S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm hướng định giờ số 09/f với SCHtx/f bằng máy VRU-611, LL thoại. Ngày 3 phiên: (05.30 - 10.00 - 20.00).

- Triển khai, bảo đảm hướng số 08 của cnT-TG/qđ với SQĐDT/lưXT bằng VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 10 của SQĐDT/lưXT liên lạc với SQĐDT/SCH/ eBB18; dt, ctXT/LưT, các bTTG bằng VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 11 của cnPB/f *(VC số 10 của cnPB/qđ)* xuống dPB/ LưPB, cCOI/f, cCOI/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 12 của cnPB/f *(VC số 11 của cnPB/qđ)* xuống cSPG9/f, cSPG9/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 13 của cnPK/f *(VC số 12 của cnPK/qđ)* xuống cPK37, cPK57/LưPPK, cPK/f, cPK/e, bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 14 của cnTS/f *(VC số 13 của cnTS/qđ)* với cTShh/ dTS/BTM, cTS/e bằng máy XD-D18, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 15 của cnTS/f xuống tổ, toán TS trung đoàn, bằng máy VRH-811/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 16 của cnCB/f *(VC số 14 của cnCB/qđ)* xuống cCB/f, cCB/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 17 của cnTT/f *(VC số 15 cnTT/qđ)* xuống cnTT/eBB18, cnTT/LưT, cnTT/LưPB, cnTT/LưPPK, bằng máy VRU-812/S, liên lạc thoại 24/24.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 18 của cnHH/f *(VC số 16/qđ)* xuống cPHhh/dPH/qđ, cHH19/f bằng máy VRH-811/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm hướng số 19 của TCĐT/f *(VC số 04 TBTCĐT/qđ)* xuống cTCĐT/qđ, bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

c) Liên lạc hiệp đồng, TBBĐ

Thông qua các mạng, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

d) Liên lạc HC-KT

- Triển khai, bảo đảm mạng số 20 của cnHC-KT/f *(VC số 17 của cnHC-KT/qđ)* với ccHC-KT/f, dVT/f, bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Thông qua các mạng, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

***\* Khi Quân đoàn không tổ chức SCHpht***

Sư đoàn tổ chức liên lạc theo kế hoạch.

2.2. Trunking:Máy Puma bảo đảm cho 2 nhóm Hà Nội 3A và Hà nội 4A

**-** Nhóm: Hà Nội 3A

(PTLTMT/qđ12, PTMTTaC/qđ, TPTC/qđ, ft/f325, et/eBB18/fBB325, dt/dPB/LưPB164, dt/dT/LưT203, dt/dPK/LưPPK673).

**-** Nhóm Hà nội 4A

(PTLTMT/qđ12, ft/f325, TMT/f325, cnPK, cnPB, cnTS, cnCB, cnTT, cnHH, dBB5, dBB9, dBB3, cTShh/qđ, cTCĐT/qđ, cHHhh/qđ, cTThh/qđ).

Máy Puma do Tiểu đoàn quản lý, khi cơ động sẽ cấp phát cho các đơn vị.

2.3. Thông tin HTĐ

a) Liên lạc với trên

Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325 (ở UBND phường Long Biên/quận Long Biên): tiếp nhận 03 MĐT của Lữ 205/BCTTLL bàn giao (theo danh bạ ft/f325: 538006; TBTC/f: 538007; Cơ quan/f: 538008).

b) Liên lạc với dưới

Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325 (ở UBND phường Long Biên/quận Long Biên):

- Triển khai, bảo đảm 13 MĐT tự động và 13 MĐT nhân công đến: ft, c.u, tmt, cnCT, cnHC-KT, cnPB, cnPK, cnCB, cnTS, cnTT, cnHH, ĐQS/f, TBSCH/f.

- Triển khai, bảo đảm đường dây nhân công đến tổng đài eBB18.

c) Liên lạc hiệp đồng, TBBĐ

Thông qua các đường, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

d) Liên lạc HC - KT

Thông qua các đường, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

*\* Khi eBB18 + SCH nhẹ/f, lực lượng tăng cường gồm: 1cCOI100/f, 1cSPG-9/f, 1cSMPK12,7/f, 1cCBhh/f, 1bPHhh/f, 1aTS/f, cTThh/dTT18 bảo đảm TTLL cho SCH nhẹ/f làm nhiệm vụ khu vực Bắc Ninh, Bắc Giang.*

1. Triển khai, bảo đảm tổng trạm TT, đường trục TT

1.1. Triển khai, bảo đảm tổng trạm TT

T4/SCHcb/f đặt tại SCHnhẹ/f: Tại…………………… Làm việc 24/24h.

1.2. Triển khai, bảo đảm đường trục TT

Triển khai đường trục đến SCHcđ/eBB18 tại Đáp Cầu/Bắc Ninh (44.12).

2. Triển khai, bảo đảm các đường TT

2.1. Thông tin VTĐ

a) LL với cấp trên

- Đặt máy VRU-611 liên lạc H số 01 của qđ (VC số 06 của BTTM). LL thoại.

- Đặt máy VRU-812 liên lạc H số 02 của qđ (VC số 15 của BTTM). LL thoại.

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 05 các đơn vị bằng máy VTĐsn và mạng canh số 06 VTĐscn, đơn vị được phép LL trên các tổ chức này theo quy định.

b) LL với cấp dưới

- Triển khai, bảo đảm hướng số 01/f (VC số 01/qđ) với eBB18 bằng máy VRU-611, LL báo, thoại ngày 6 phiên: (08.00-11.00-14.00-16.00-18.00-22.00) khi cần thì canh 24/24h.

- Triển khai, bảo đảm hướng số 02/f (VC số 02/qđ) với eBB18 bằng VRU-812, LL thoại mật tần số cố định 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 03/f với dBB2, dBB6, dBB8 (Mạng số 01/e) bằng máy VRU-611, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 04/f xuống các cBB5, 6, 7, cHL8/dBB8, (Mạng số 1 của dBB8), bằng máy VRP-712/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 05/f xuống 06 chốt/dBB2 ở Bắc Ninh (Mạng số 1 của dBB2), bằng máy VRP-712/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 06/f xuống 06 chốt, cBB11/dBB6 ở Bắc Giang bằng máy VRP-712/S (Mạng số 01 của dBB6), LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm hướng định giờ số 07/f LL với SCHtx/f bằng máy VRU-611, LL thoại. Ngày 3 phiên: (05.30-10.00-20.00).

- Triển khai, bảo đảm VC số 08 của cnPB/f xuống cCOI100/f, cCOI100/e bằng máy VRU-812/S. LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 09 của cnPB/f xuống cSPG9/f, cSPG9/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 10 của cnPK/f xuống cPK/f, cPK/e, bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 11 của cnTS/f xuống cTS/e bằng máy VRP-612, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm VC số 12 của cnTS/f xuống tổ, toán TS trung đoàn, bằng máy VRH-811/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm VC số 13 của cnCB/f xuống cCB/f, cCB/e bằng máy VRU-812/S, LL thoại.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 14 của cnTT/f xuống cnTT/eBB18, dt/dTT18 bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm mạng số 15 của cnHH/f xuống cHH19/f bằng máy VRH-811/S, LL thoại 24/24 giờ.

- Triển khai, bảo đảm hướng số 16 của cnHC-KT/f với khu HC-KT/f bằng máy VRU-812/S, LL thoại 24/24 giờ.

c) Liên lạc hiệp đồng, TBBĐ

Thông qua các mạng, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

d) Liên lạc HC-KT

Thông qua các mạng, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

2.2. Thông tin HTĐ

a) Liên lạc với trên

Tiếp nhận các đường dây do Quân đoàn triển khai xuống.

b) Liên lạc với dưới: Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325

- Triển khai, bảo đảm xe Tổng trạm, kết nối truyền dẫn, Triển khai, bảo đảm 13 MĐT tự động và 13 MĐT nhân công đến: ft, c.u, tmt, cnCT, cnHC-KT, cnPB, cnPK, cnCB, cnTS, cnTT, cnHH, ĐQS/f, TBSCH/f.

- Triển khai, bảo đảm đường dây đến Tổng trạm TT/eBB18.

c) Liên lạc hiệp đồng, TBBĐ

Thông qua các đường, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

d) Liên lạc HC-KT

Thông qua các đường, hướng đã triển khai bảo đảm liên lạc.

**IV. BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI, GIỮ VỮNG TTLL**

- Huấn luyện cho cán bộ chiến sỹ thành thạo về cơ động, triển khai và bảo đảm TTLL trong điều kiện gấp, khẩn trương.

- Nắm vững ý định chiến đấu của Sư đoàn, triệt để tận dụng hệ thống thông tin của trên, thông tin Bưu điện, Viettel, đơn vị bạn, địa phương để tạo ra các đường vu hồi cho hệ thống thông tin của Sư đoàn.

- Kết hợp chặt chẽ các phương tiện thông tin, sử dụng phù hợp trong từng giai đoạn chiến đấu. Sử dụng nhân viên chuyên môn có trình độ thu phát điện nhanh giảm thời gian liên lạc trên máy.

- Triệt để lợi dụng địa hình, địa vật trong triển khai bảo đảm liên lạc. Chấp hành nghiêm kỷ luật Vô tuyến điện, sử dụng đúng mật danh, mật ngữ, ký tín hiệu trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Bố trí điện đài, an ten phù hợp, có nhiều tên sóng, tần số dự bị, thực hiện lên lạc vòng, vu hồi, sử dụng mạng bí mật khi cần thiết.

- Quy định chặt chẽ việc phân loại công văn, tài liệu theo đúng độ khẩn, mật. Điều hành lực lượng, phương tiện cơ động đúng thời gian, đúng tuyến.

**V. NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỘC QUYỀN**

1. Trung đội 1, Trung đội 2

1.1. Triển khai bảo đảm một số thành phần của T4

- Triển khai thành phần T4/SCHcb/f gồm: Cụm VTĐsn, cụm VTĐscn, trạm thu phát công điện, vị trí chỉ huy T4.

1.2. Triển khai các đường thông tin

- Triển khai máy tham gia liên lạc với trên, liên lạc với dưới, các đơn vị phối thuộc, liên lạc hiệp đồng, TBBĐ và HC-KT bằng sn, scn.

2. Trung đội 3

2.1. Triển khai bảo đảm một số thành phần của T4

- Triển khai thành phần T4/SCHcb/f gồm: Trạm ĐT, lực lượng TT dự bị.

2.2 Triển khai các đường thông tin

- Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325 (bảo vệ mục tiêu nội thành), bố trí ở UBND phường Long Biên/ quận Long Biên: Tiếp nhận 03 thuê bao tự động của của Lữ 205/ BCTTLL (ft: 538006; TBTC/f: 538007; Cơ quan/f: 538008). Kết nối đường dây bọc với trạm bưu điện để bảo đảm LL vu hồi.

- Tại T­­­­­­­­­­4/SCHcb/f325: Triển khai 13 MĐT tự động và 13 MĐT nhân công đến: ft, c.u, tmt, cnCT, cnHC-KT, cnPB, cnPK, cnCB, cnTS, cnTT, cnHH, ĐQS/f, TBSCH/f.

- Triển khai các đường dây đến Tổng trạm TT/eBB18.

- Triển khai xe tổng trạm bảo đảm thông tin cho Sư đoàn khi làm nhiệm vụ ở Bắc Ninh, Bắc Giang.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ HIỆP ĐỒNG, BẢO ĐẢM**

- Tổ chức nhận tài liệu, quy ước, mật danh bổ sung khi có lệnh.

- Sử dụng luật số nghiệp vụ năm 2019, mật ngữ MK-82 khóa TR – 55 (5 vành khóa).

- Tổ chức nhận khí tài bổ sung tại kho Sư đoàn trước khi đi thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức triển khai hệ thống thông tin đồng loạt tại các vị trí.

- Tổ chức tiếp nhận các đường thông tin của bộ tại SCHcb/f do Lữ 205/ BCTTLL kéo đến.

**VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY**

- Chỉ huy chung: Đ/c Đại đội trưởng

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TTVTĐ: Đ/c Trung đội trưởng **-** Trung đội 1.

- Chỉ huy triển khai, bảo đảm TTHTĐ: Đ/c Trung đội trưởng **-** Trung đội 3.

**VIII. CÁC MỐC THỜI GIAN**

- Ngày 29/12/2024 đơn vị xây dựng và phê duyệt xong kế hoạch triển khai, bảo đảm TTLL bảo vệ Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 và báo cáo về Tiểu đoàn (qua Trợ lý Tham mưu).

- Hiệp đồng thử thông TTLL VTĐ, Trunking, bàn giao tín hiệu A2: Xong trước ngày /01/2025.

- Thời gian trực SSCĐ cao điểm: Từ ngày 24/01/2025 đến ngày 02/02/2025 (Tức ngày 25 tháng Chạp đến ngày 05 tháng Giêng năm Ất Tỵ).

**IX. MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHAI THÁC, BẢO ĐẢM TTLL**

- Kế hoạch triển khai, bảo đảm TTLL cho nhiệm vụ của Sư đoàn phải quản lý theo chế độ mật.

- Duy trì tốt chế độ, nền nếp trực thông tin liên lạc sẵn sàng chiến đấu, quản lý khai thác tốt trang bị khí tài thông tin; giữ nghiêm kỷ luật thông tin liên lạc.

- Sử dụng bộ quy ước A2 để liên lạc VTĐ.

- Khi LL dùng mật danh, mật ngữ chỉ huy (Mật ngữ VTĐ M82 khoá TR55, 05 vành khóa, chữ mật nghiệp vụ VTĐ năm 2019).

- Chấp hành tốt quy định giữ bí mật chỉ huy, giữ nghiêm kỷ luật TTLL, thực hiện đúng quy tắc liên lạc, không nói rõ trên máy VTĐ.

**X. CÁC BẢNG KẺ *(Có phụ lục kèm theo)***

- Phân chia sử dụng lực lượng, phương tiện Thông tin.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG**  **Đại uý Hồ Hồng Phong** |